

だい
第 12 課の
いっしょに飲みに行きませんか？

あなたの住んでいる町には、どんな祭りやイベントがありますか？ だれと行きますか？

Có những lễ hội hay sự kiện nào diễn ra ở khu phố bạn đang sống? Bạn đi cùng với ai?



1. イベントの案内

Can-do
48

イベントのお知らせを見て、日時や場所などの大切な情報を探すことができる。

Có thể xem thông báo sự kiện và tìm được thông tin quan trọng như ngày giờ, địa điểm, v.v..

1 イベントの案内を読みましょう。

Hãy đọc thông tin của sự kiện.

- 日本語教室の掲示板で、地域で行われる
イベントの案内を見ています。
Bạn đang xem thông tin về các sự kiện được tổ chức ở địa phương
trên bảng tin của lớp học tiếng Nhật.

(1) ① - ④は、どんなイベントだと思いますか。

Theo bạn, ①-④ là sự kiện nào?

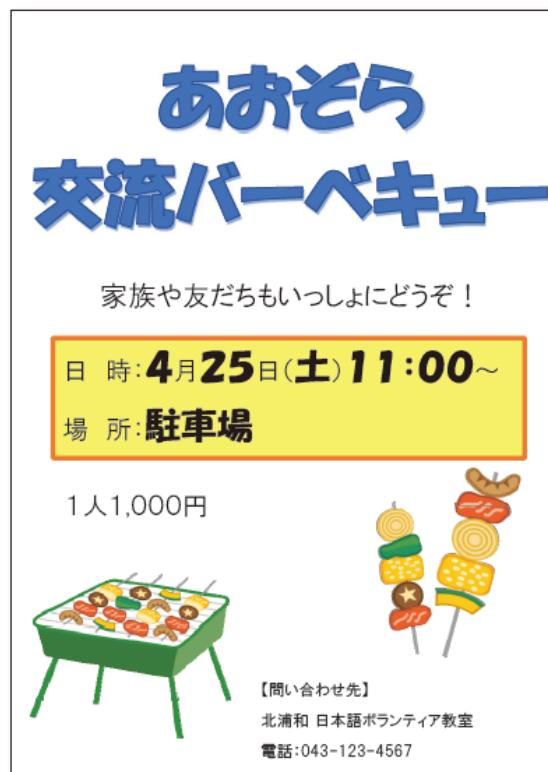
①



②



(3)



(4)



(2) 次の情報はどこに書いてありますか。印をつけましょう。
Những thông tin dưới đây được viết ở đâu? Hãy đánh dấu lại.

1. いつ?

2. どこ?

大切なことば

夏祭り	なつまつり	lễ hội	mùa hè	交流	こうりゅう	giao lưu	バーベキュー	ばーべキュー	tiệc nướng	nướng ngoài trời	フェスティバル	fest	hội
会場	かいじょう	nơi diễn ra sự kiện		場所	ばしょ	địa điểm	日時	にちじ	ngày giờ				
イベント	いふんと	sự kiện		広場	ひろば	quảng trường	ホール	ホール	hội trường	chỗ	駐車場	bãi	đỗ xe
入場料	にゅうじょうりょう	phi	vào cửa	～円	えん	～yên	入場無料	にゅうじょうむりょう	miễn phí	vào cửa			

(3) 日付の言い方を確認しましょう。

Hãy xác nhận cách nói ngày tháng

1. 聞いて言いましょう。

Hãy nghe và nhắc lại.

【月 Tháng】  12-01

1月	いちがつ
2月	にがつ
3月	さんがつ
4月	しがつ
5月	ごがつ
6月	ろくがつ

7月	しちがつ
8月	はちがつ
9月	くがつ
10月	じゅうがつ
11月	じゅういちがつ
12月	じゅうにがつ
?	なんがつ

【日 Ngày】  12-02

1日	ついたち
2日	ふつか
3日	みつか
4日	よつか
5日	いつか
6日	むいか
7日	なのか
8日	ようか
9日	ここのか
10日	とおか

11日	じゅういちにち
12日	じゅうににち
13日	じゅうさんにち
14日	じゅうよつか
15日	じゅうごにち
16日	じゅうろくにち
17日	じゅうしちにち
18日	じゅうはちにち
19日	じゅうくにち
20日	はつか

21日	にじゅういちにち
22日	にじゅうににち
23日	にじゅうさんにち
24日	にじゅうよつか
25日	にじゅうごにち
26日	にじゅうろくにち
27日	にじゅうしちにち
28日	にじゅうはちにち
29日	にじゅうくにち
30日	さんじゅうにち
31日	さんじゅういちにち
?	なんにち

2. イベントの案内① - ④を見て、日付を読みましょう。

Hãy xem thông tin sự kiện ①-④ và đọc ngày tháng.



2. らいしゅう なつまつ 来週、夏祭りがありますね

Can-do!
49

イベントなどに行くかどうか質問したり、質問に答えたりすることができる。
Có thể hỏi, trả lời câu hỏi như là có đi đến sự kiện hay không, v.v..

1 ことばの準備 じゅんび

Chuẩn bị từ vựng

【カレンダー Lịch】

いつですか?
Khi nào?

a. 今日 きょう b. 明日 あした c. あさって

月	火	水	木	金	土	日
			1	2	3	4 5
6	7	8	9	10	11	12

d. 今週 こんしゅう
e. 来週 らいしゅう

(1) カレンダーを見ながら聞きましょう。 12-03

Hãy vừa nghe vừa nhìn lịch.

(2) 聞いて言いましょう。 12-03

Hãy nghe và nhắc lại.

(3) 聞いて、カレンダーの日付を指しましょう。 12-04

Hãy nghe và chỉ vào ngày tháng trên lịch.

2 かいわ き 会話を聞きましょう。

Hãy nghe hội thoại.

► 5人の人が、職場の同僚に、イベントに行くかどうか質問しています。

5 người dưới đây đang hỏi đồng nghiệp ở nơi làm việc xem họ có đi đến sự kiện hay không.

(1) イラストを見ながら聞きましょう。① - ⑤のイベントは、いつ、どこでありますか。メモしましょう。

Hãy vừa nghe vừa nhìn tranh. Các sự kiện ①-⑤ diễn ra khi nào, ở đâu? Hãy ghi chép.

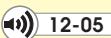
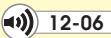
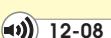
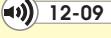
① タイフェスティバル 12-05	② 夏祭り 12-06	③ 交流パーティー 12-07
いつ () どこで ()	いつ () どこで ()	いつ () どこで ()

④ 空手の試合 12-08	⑤ 忘年会 12-09
いつ ()	いつ ()

(2) もういちど聞きましょう。質問された人は、イベントに行きますか。行きませんか。

にチェック ✓ をつけましょう。

Hãy nghe lại một lần nữa. Người được hỏi có đi đến sự kiện hay không? Hãy đánh dấu ✓ vào ô thích hợp.

① タイフェスティバル  12-05	<input type="checkbox"/> 行きます い	<input type="checkbox"/> 行きません い	<input type="checkbox"/> わかりません
② 夏祭り  12-06	<input type="checkbox"/> 行きます い	<input type="checkbox"/> 行きません い	<input type="checkbox"/> わかりません
③ 交流/パーティー  12-07	<input type="checkbox"/> 行きます い	<input type="checkbox"/> 行きません い	<input type="checkbox"/> わかりません
④ 空手の試合  12-08	<input type="checkbox"/> 行きます い	<input type="checkbox"/> 行きません い	<input type="checkbox"/> わかりません
⑤ 忘年会  12-09	<input type="checkbox"/> 行きます い	<input type="checkbox"/> 行きません い	<input type="checkbox"/> わかりません

(3) ことばを確認して、もういちど聞きましょう。  12-05 ~  12-09

Hãy xác nhận từ vựng và nghe lại một lần nữa.

もちろん tất nhiên

たの
楽しみですね Tôi đang mong chờ đây.

そうですね Tôi cũng vậy.
(相手の同意することを表す thể hiện việc đồng ý với đối phương)

まだわかりません Tôi vẫn chưa biết. | 残念です Thật đáng tiếc.

かたち ちゅうもく
形に注目

(1) 音声を聞いて、_____にことばを書きましょう。 12-10 12-11
Hãy nghe và điền từ vào chỗ trống.

にちょうび
日曜日 _____、 こうえん
さくら公園 _____ タイフェスティバルが
_____ ね。

らいしゅう
来週、なつまつ
夏祭りが _____ ね。

A: ようか
A: 8日 _____、こうりゅう
交流パーティーが _____ ね。

B: どこ _____ ありますか?

A: かいしゃ
会社のホールです。

! イベントがあることを伝えるとき、どう言っていましたか。 → 文法ノート①
Cáu trúc nào đã được sử dụng khi truyền đạt về một sự kiện sẽ diễn ra?

! 「に」と「で」は、何を表していますか。 → 文法ノート①
[n] và [de] biểu thị điều gì?

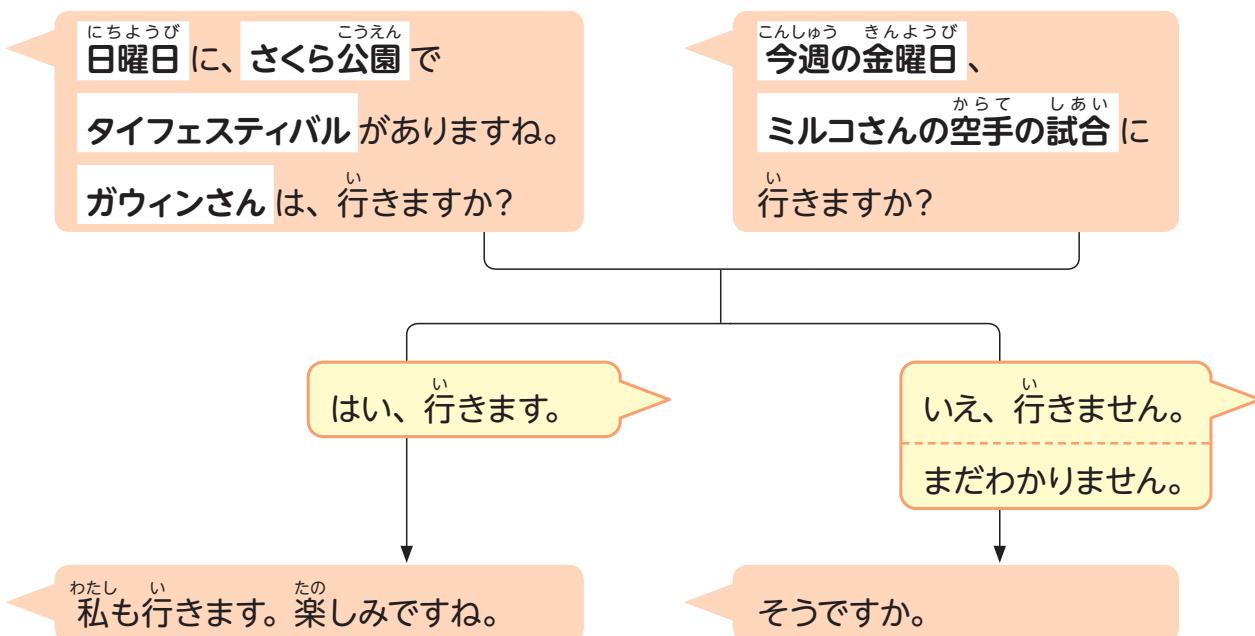
こんしゅう きんようび
今週の金曜日、ミルコさんの空手の試合 _____ 行きますか?
あした ぼうねんかい
明日の忘年会 _____ 行きますか?

! この「に」は、何を表していますか。 → 文法ノート②
[n] trong trường hợp này biểu thị điều gì?

(2) 形に注目して、会話をもういちど聞きましょう。 12-05 ~ 12-09
Hãy chú ý đến cấu trúc ngữ pháp và nghe lại hội thoại một lần nữa.

3 イベントに行くかどうか質問しましょう。

Hãy hỏi xem có đi đến sự kiện hay không.



(1) 会話を聞きましょう。 [12-12] [12-13]

Hãy nghe hội thoại.

(2) シャドーイングしましょう。 [12-12] [12-13]

Hãy luyện nói đuôi.

(3) 2 の会話の内容で、練習しましょう。

Hãy sử dụng nội dung hội thoại ở phần 2 để luyện tập.

(4) 知っている身近なイベントについて、ほかの人に、行くかどうか聞きましょう。

Hãy hỏi người khác xem có đi đến sự kiện quen thuộc mà bạn biết hay không?



3. いっしょに行きましょう

Can do +
50

あいて さそ さそ
相手を誘ったり、誘われたりしたとき、自分の都合を言うことができる。

Có thể nói về điều kiện của mình khi mời rủ đối phương hoặc được mời rủ.

1 会話を聞きましょう。

Hãy nghe hội thoại.

▶ 4人の人が、職場の同僚を誘っています。
4 người dưới đây đang rủ đồng nghiệp.

(1) 誘っている人に注目して聞きましょう。

Hãy nghe và chú ý tới người rủ.

1. 何に誘っていますか。a-d から選びましょう。

Họ đang rủ người khác làm gì? Hãy chọn từ a-d.

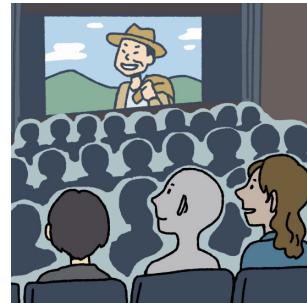
2. いつですか。カレンダーを見ながら聞いて、日付を書きましょう。

Diễn ra khi nào? Hãy vừa nghe vừa nhìn lịch và ghi lại ngày tháng.

a. 焼肉



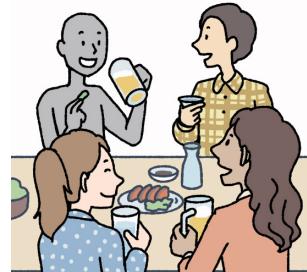
b. 映画



c. ハイキング



d. 飲み会



月	火	水	木	金	土	日
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19

きょう
今日

	① 12-14	② 12-15	③ 12-16	④ 12-17
1.				
2.	() 日	() 日	() 日	() 日

- (2) さそ ひと こた ちゅうもく 誘われた人の答えに注目して、もういちど聞きましょう。いっしょに行くときは○を、
い 行かないときは×を書きましょう。

Hãy nghe lại một lần nữa và chú ý tới câu trả lời của người được rủ. Hãy đánh dấu ○ nếu cùng đi, dấu × nếu không đi.

① 12-14

② 12-15

③ 12-16

④ 12-17

- (3) ことばを確認して、もういちど聞きましょう。 12-14 ~ 12-17

Hãy xác nhận từ vựng và nghe lại một lần nữa.

いっしょに cùng nhau | 今度 lần tới | 今晚 tối nay

こんど また今度 Hẹn lần tới.



かたち
形に注目

- (1) おんせい き 音声を聞いて、_____にことばを書きましょう。 12-18 12-19

Hãy nghe và điền từ vào chỗ trống.

A: 今週、みんなで、ハイキングに行きます。

いっしょに _____ ?

B: いいですね。

B: いつですか？

A: 今度の土曜日です。

B: だいじょうぶです。

A: ジゃあ、_____。

B: いつですか？

A: 来週の火曜日です。

B: 火曜日はちょっと……。

A: じゃあ、また今度_____。

！ あいて さそ 相手を誘うとき、どういってきましたか。→ 文法ノート③

Cáu trúc nào đã được sử dụng khi rủ đối phương?

！ なに いつしょに何かすることを伝えるとき、どういってきましたか。→ 文法ノート④

Cáu trúc nào đã được sử dụng khi diễn đạt việc sẽ làm gì đó cùng nhau?

みんなで、いっしょに焼肉を_____行きませんか？

あした よる 明日の夜、さくらプラザで映画があります。

いっしょに_____行きませんか？

いっしょに_____行きませんか？

！ 「行きませんか？」の前のことばは、何を表していますか。→ 文法ノート⑤

Từ vựng đứng trước 行きませんか? biểu thị điều gì?

(2) 形に注目して、会話をもういちど聞きましょう。 12-14 ~ 12-17

Hãy chú ý đến cấu trúc ngữ pháp và nghe lại hội thoại một lần nữa.

2 友だちを誘いましょう。

Hãy rủ bạn bè.

今週、みんなで、ハイキングに
いきます。

アリナさんも、いっしょに
い行けませんか？

いっしょに 焼肉を食べに
い行けませんか？

いいですね。いつですか？

今度の土曜日／14日 です。

だいじょうぶです。

すみません。

土曜日／14日 はちょっと……。

じゃあ、行きましょう。

じゃあ、また今度（行きましょう）。

(1) 会話を聞きましょう。 12-20 12-21

Hãy nghe hội thoại.

(2) シャドーイングしましょう。 12-20 12-21

Hãy luyện nói đuôi.

(3) 1 の会話の内容で、練習しましょう。

Hãy sử dụng nội dung hội thoại ở phần 1 để luyện tập.

(4) 身近なイベントに友だちを誘いましょう。誘われた人は、そのイベントがいつあるかを聞いて、
自分の都合を伝えましょう。

Hãy rủ bạn bè đi đến sự kiện quen thuộc. Người được rủ hãy xem sự kiện đó diễn ra khi nào và trình bày về điều kiện của mình.



4. 誘いの返事

Can do ↑
51

ゆうじん かんたん さそ
友人からの簡単な誘いのメッセージを読んで、返事を書くことができる。
Có thể đọc tin nhắn mời rủ đơn giản của bạn bè và viết trả lời.

1 メッセージを送りましょう。

Hãy gửi tin nhắn.

►とも さそ 友だちから、誘いのメッセージがきました。

Bạn nhận được tin nhắn mời rủ từ bạn bè.

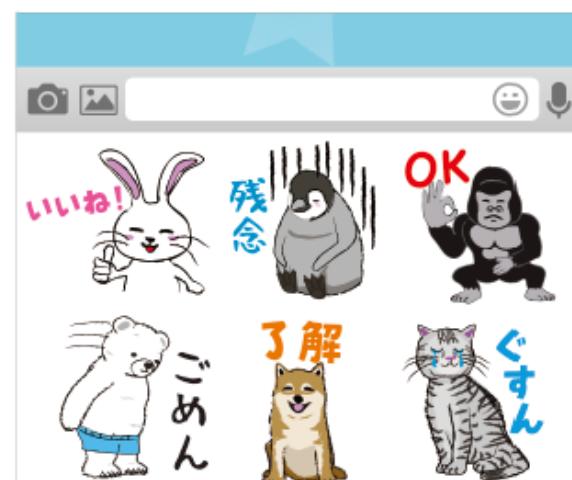
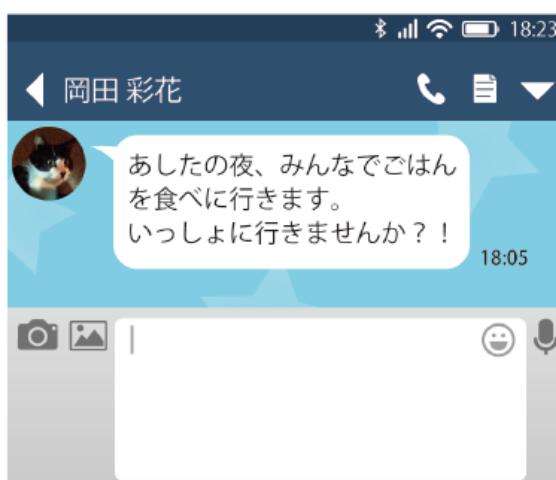
(1) とも よ なん さそ 友だちからのメッセージを読みましょう。何の誘いですか。

Hãy đọc tin nhắn từ bạn bè. Đó là lời rủ làm việc gì?



(2) へんじ おく へんじ おく 返事のメッセージを送りましょう。また、いっしょに送るスタンプも選びましょう。

Hãy gửi tin nhắn trả lời. Ngoài ra, hãy chọn nhãn dán kèm tin nhắn.



ちょうかい
聴解スクリプト

2. 来週、夏祭りがありますね

(1) 12-05

A : ガウインさん、日曜日に、さくら公園で
タイフェスティバルがありますね。行きますか？

B : はい、行きます。

A : 楽しみですね。

B : そうですね。

(2) 12-06

A : 内山さん、来週、夏祭りがありますね。

B : そうですね。

A : 内山さんは、行きますか？

B : いえ、行きません。仕事です。

A : そうですか。

(3) 12-07

A : マヤさん、8日に、交流パーティーがりますね。

B : へー、そうですか。どこでありますか？

A : 会社のホールです。

B : ふーん。

A : マヤさんは、行きますか？

B : ああ、まだわかりません。

(4) 12-08

A : アントニオさん、今週の金曜日、ミルコさんの空手の
試合に行きますか？

B : もちろん、行きます。

A : 私も行きます。楽しみですね。

B : そうですね。

(5)  12-09

A : 梁さん、明日の忘年会に行きますか？

B : ああ、私は行きません。

A : そうですか。残念です。

3. いっしょに行きましょう

(1)  12-14

A : 今週、みんなで、ハイキングに行きます。

アリナさんも、いっしょに行きませんか？

B : どこですか？

A : 六甲山です。

B : いいですね。いつですか？

A : 今度の土曜日です。

B : あさってですか？ だいじょうぶです。

A : じゃあ、行きましょう。

(2)  12-15A : ソリヤさん、みんなで、いっしょに焼肉を食べに
行きませんか？ マーヒルさんも、ジョバニさんも
行きますよ。

B : いいですね。いつですか？

A : 14日です。

B : 来週の火曜日ですね。火曜日はちょっと……。
すみません。

A : そうですか。じゃあ、また今度行きましょう。

(3)  12-16

A : アニタさん、明日の夜、さくらプラザで映画があります。
いっしょに見に行きませんか？

B : 明日ですか？ いいですね。何の映画ですか？

A : 「男はつらいよ」です。

B : ふーん。何時からですか？

A : 7時半からです。

B : 7時半、だいじょうぶです。

A : じゃあ、いっしょに行きましょう。

(4)  12-17

A : 洪さん、いっしょに飲みに行きませんか？

B : いつですか？

A : 今晚です。

B : 今日？ すみません、今日はだめです。

A : そうですか。じゃあ、また今度。

漢字のことはば

1 読んで、意味を確認しましょう。

Hãy đọc và xác nhận nghĩa của các từ dưới đây.

ねん
～年

年

年

年

がつ
～月

月

月

月

にち
～日

日

日

日

きょう
今日

今日

今日

今日

こんしゅう
今週

今週

今週

今週

こんど
今度

今度

今度

今度

2

の漢字に注意して読みましょう。

Hãy chú ý chữ Hán có gạch chân và đọc các câu văn sau.

- ① 今週、みんなで映画に行きませんか？
- ② また、今度行きましょう。
- ③ 今日はは、2021年12月31日です。

3

上の_____のことばを、キーボードやスマートフォンで入力しましょう。

Hãy nhập các từ có gạch chân trên đây bằng bàn phím hoặc bằng điện thoại thông minh.



ぶん ぽう
文法 ノート

①

[ngày giờ 日時] に
[place 場所] で

[sự kiện イベント] が あります

にちようび こうえん
日曜日に、さくら公園でタイフェスティバルがありますね。

Lễ hội Thái Lan được tổ chức ở công viên Sakura vào ngày chủ nhật.

- Đây là cách nói diễn tả một sự kiện, v.v. sẽ được tổ chức.
- Ngày giờ được biểu thị bằng cách sử dụng trợ từ に như 日曜日に (vào chủ nhật), 12月20日に (vào ngày 20 tháng 12), 7時に (vào lúc 7 giờ). Tuy nhiên, có thể lược bỏ trong văn nói. Ngoài ra, không dùng に với những từ như 明日 (ngày mai), 今晚 (tonight), 来週 (tuần sau).
- Địa điểm nơi diễn ra sự kiện được biểu thị bằng cách sử dụng trợ từ で, chẳng hạn như さくら公園で (ở công viên Sakura).
- Sự kiện có thể là các sự kiện như lễ hội, sinh nhật, họp mặt...
- Thời gian và địa điểm có thể được chỉ rõ bằng cách kết hợp các trợ từ に và で.
- Ngày giờ có thể được chỉ rõ bằng cách kết hợp các trợ từ に và に.
- Địa điểm có thể được chỉ rõ bằng cách kết hợp các trợ từ で và で.

[例] ▶ 12月20日に、会社で忘年会があります。
ví dụ Tiệc cuối năm được tổ chức ở công ty vào ngày 20 tháng 12.

▶ 每朝、7時に朝礼があります。
Hội giao ban diễn ra lúc 7 giờ sáng.

▶ A : 明日、夏祭りがありますね。
Ngày mai có lễ hội mùa hè nhỉ?

B : そうですか。どこでありますか?
Vậy à? Được tổ chức ở đâu?

A : 中央公園です。
Ở công viên Chuoa.

◆ Trợ từ **で** và **に** biểu thị địa điểm. 場所を示す助詞「で」と「に」

đe và ni là những trợ từ biểu thị địa điểm. Sử dụng trợ từ nào sẽ phụ thuộc vào ý nghĩa của động từ.

「場所」を示す助詞には「で」と「に」があります。どちらを使うかは、動詞が表す意味によって決まります。

	địa điểm lưu trú 滞在の場所	とうきょう す 東京に住んでいます。 Tôi sống ở Tokyo.
に	địa điểm tồn tại 存在の場所	A: 電子レンジは、どこにありますか? Lò vi sóng ở đâu? B: 食堂にあります。 Ở nhà ăn.
で	địa điểm diễn ra động tác, hành động 動作・行為の場所	こうえん 公園でサッカーをします。 Tôi chơi bóng đá ở công viên.
	địa điểm diễn ra sự kiện イベントの場所	こんばん ちゅうおうこうえん なつまつ 今晚、中央公園で夏祭りがあります。 Lễ hội mùa hè sẽ diễn ra ở công viên Chuoo vào tối nay.

②

N い 行きます

あした ぼうねんかい い
明日の忘年会に行きますか?

Bạn có đi dự tiệc cuối năm vào ngày mai không?

- Đây là cách nói diễn tả mục đích của chuyển động. Trong bài này, cấu trúc trên được sử dụng để hỏi có đi đến sự kiện, v.v. hay không.
- Trợ từ **に** biểu thị mục đích khi đứng sau danh từ chỉ hành động hoặc sự kiện như **買い物** (mua sắm), **散歩** (di bộ), **映画** (phim), **パーティー** (bữa tiệc), **試合** (trận đấu). Sử dụng cùng với động từ **行く** (đi).
- 行く目的を表す言い方です。この課では、イベントなどに行くかどうかをたずねるときに使っています。
- 助詞「に」は、買い物、散歩、映画、パーティー、試合のような、行為やイベントを表す名詞のあとにつくとき、目的を示します。動詞「行く」といっしょに使います。

[例] ▶ まいあさ さんぽ い
ví dụ 每朝、散歩に行きます。
Tôi đi bộ hằng sáng.

▶ あさって、友だちと映画に行きます。
Ngày kia, tôi đi xem phim cùng bạn bè.

▶ A : 田中さんのサッカーの試合に行きますか?
Bạn có đi xem trận đấu bóng đá của Tanaka-san không?

B : もちろんです。
Tất nhiên rồi.

③

V-ませんか？

いっしょに行きませんか？
Bạn có muốn đi cùng không?

- Đây là cách nói mời rủ đối phương.
- Biến đổi động từ đuôi ます của thể MAS thành ませんか? và phát âm lên giọng. Bài này chỉ đưa ra cách nói 行きませんか? (bạn có muốn đi không?).
- 相手を誘うときの言い方です。
- 動詞のマス形の語尾「ます」を「ませんか？」に変えて、上昇イントネーションで発音します。この課では、「行きませんか？」という言い方だけ取り上げます。

[例] ▶ A : これから、^{ひる}_{はん}^い昼ご飯に行きます。いっしょに行きませんか?
ví dụ TÔI ēĂN trưa bÂy giờ. Bạn có muốn đi cùng không?

B : いいですね。
Nghe hay đấy.

▶ A : ^{にちようび}日曜日、いっしょに買い物に行きませんか?
Bạn có muốn đi mua sắm cùng với tôi vào chủ nhật không?

B : すみません。日曜日はちょっと…。
Xin lỗi, chủ nhật thì hơi...

A : そうですか。じゃあ、また今度。
Thế à? Vậy thì lần tới nhé.

④

V-ましょう

また今度行きましょう。
Lần tới cùng đi nhé.

- Đây là cách nói đề xuất, truyền đạt cùng làm một việc gì đó. Trong bài này, cấu trúc trên được dùng để xác nhận sẽ đi cùng khi được rủ (ví dụ ①) hoặc đưa ra đề xuất làm vào dịp tới khi bị từ chối (ví dụ ②).
- Cũng được dùng để thúc giục hành động của đối phương như ^{はじ}始めましょう (hây bắt đầu), ^{やす}ちょっと、休みましょう (hây nghỉ một lát đi).
- いっしょに何かをすることを提案したり伝えたりするときの言い方です。この課では、誘われたときいっしょに行くことを確認したり(例①)、断られたとき次の機会にすることを提案したり(例②)するのに使っていきます。
- 「始めましょう。」「ちょっと、休みましょう。」のように、相手の行動を促すときにも使います。

[例] ▶ ① A : 今度、みんなで、ハイキングに行きませんか?
ví dụ Bạn có muốn đi dã ngoại cùng mọi người vào lần tới không?

B : いいですね。行きましょう。
Nghe hay đấy. Cùng đi thôi.

► ② A : 明日、みんなで、ご飯に行きませんか？

Bạn có muốn đi ăn cùng mọi người vào ngày mai không?

B : 明日はちょっと…。

Ngày mai thì hơi...

A : そうですか。じゃあ、また今度行きましょう。

Thế à? Vậy thì lần tới cùng đi nhé.

5

V- 行きます

みんなで、いっしょに焼肉を食べに行きませんか？

Bạn có muốn đi ăn thịt nướng cùng mọi người không?

- Đây là cách nói sử dụng động từ để diễn tả mục đích của chuyển động. Trong bài này, cấu trúc trên được dùng để mời rủ đối phương với dạng V- 行きませんか? (bạn có muốn cùng đi... không?)
- Bỏます từ thể Mas của động từ và thêm trợ từ に, ví dụ như 食べに. Phần N (danh từ) của cấu trúc Nに行きます trong ngữ pháp ❷ chuyển thành dạng thức động từ.
- Các cách nói như 食べに行く (đi ăn), 見に行く (đi xem), 聞きに行く (đi nghe), v.v. thường được sử dụng. 飲みに行く (đi uống) có nghĩa là đi đến quán để uống rượu.
- 动詞を使って行く目的を表す言い方です。この課では、「V- 行きませんか？」の形で、相手を誘うときに使っています。
- 「食べに」のように、動詞のマス形から「ます」を取った形に、助詞「に」をつけます。文法❷の「Nに行きます」のN(名詞)の部分が動詞表現になった形です。
- 「食べに行く」「見に行く」「聞きに行く」などがよく使われます。「飲みに行く」は、お店にお酒を飲みに行くことを意味します。

[例] ► A : 金曜日の夜、ジャズを聞きに行きませんか？

ví dụ Bạn có muốn đi nghe nhạc jazz cùng với tôi vào tối thứ sáu không?

B : いいですね。
Nghe hay đấy.

► A : 今晚、飲みに行きませんか？

Bạn có muốn đi uống cùng với tôi vào tối nay không?

B : すみません。今晚はダメです。
Xin lỗi, tối nay thì không được.

日本の生活
TIPS

● なつまつ 夏祭り Lễ hội mùa hè

Lễ hội mùa hè được tổ chức khắp nơi trên đất nước Nhật Bản từ khoảng tháng 7 đến tháng 8. Khách du lịch từ mọi miền đến tham quan các lễ hội nổi tiếng như Lễ hội Nebuta ở Aomori, Lễ hội Tanabata ở Sendai, Lễ hội Gion ở Kyoto, Lễ hội Awa Odori ở Tokushima.

Lễ hội mùa hè được tổ chức ở các đền thờ của địa phương tuy không có quy mô lớn như vậy nhưng đối với người dân địa phương thì đó là sự kiện thường niên không thể thiếu.

Rất nhiều quầy hàng được dựng lên tại lễ hội mùa hè. Bạn có thể thưởng thức nhiều quầy hàng khác nhau, từ quầy thực phẩm như yakisoba hay okonomiyaki; quầy bánh kẹo như kẹo bông hay chuối socola, v.v., quầy đồ chơi như mặt nạ, v.v., quầy trò chơi như bắn súng trúng đích, xúc cá vàng. Một số lễ hội còn có bon odori (diệu múa bon) hay bắn pháo hoa. Nếu có lễ hội gần nhà thì đừng ngại thử tham gia nhé!



Lễ hội Nebuta (Aomori)
ねぶた祭り(青森)



Lễ hội Tanabata (Sendai)
七夕祭り(仙台)



Lễ hội Gion (Kyoto)
祇園祭(京都)



Lễ hội Awa Odori (Tokushima)
阿波踊り(徳島)



Chuối socola
チョコバナナ



Vết cá vàng
金魚すくい

7月から8月ごろには、日本各地で夏祭りが行われます。青森の「ねぶた祭り」、仙台の「七夕まつり」、京都の「祇園祭」、徳島の「阿波踊り」など、有名な祭りには、全国から観光客が祭りを見に訪れます。

しかし、こうした大規模なものではなく、地域の神社などで開かれる夏祭りも、地元の住民にとっては欠かせない毎年のイベントになっています。

夏祭りには、たくさんの屋台が出ます。焼きそばやお好み焼きのような食べ物の屋台から、わたあめやチョコバナナなどのお菓子の屋台、お面などのおもちゃの屋台、射的や金魚すくいのようなゲームの屋台など、さまざまな屋台を楽しむことができます。盆踊りや花火大会があることもあります。近所で祭りがあったら、気軽に参加してみるといいでしょう。

● にほん やま Núi của Nhật Bản

70% diện tích lãnh thổ của Nhật Bản là đồi núi nên có thể nói Nhật Bản là đất nước có nhiều núi. Những dãy núi cao chạy dọc quần đảo Nhật Bản giống như chiếc xương sống. Dãy núi cao trải dài từ tỉnh Toyama đến tỉnh Shizuoka, cắt ngang qua tỉnh Nagano và tỉnh Gifu được gọi là dãy Alps Nhật Bản; được chia ra thành Alps Bắc, Alps Trung, Alps Nam.

Ở Nhật Bản hầu như không có ngọn núi nào mà người leo núi phải dùng đinh đóng để giày chống trượt hay rìu băng để leo. Nếu là mùa leo núi vào mùa hè thì cần thiết phải có một số dụng cụ nhưng ngay cả những người bình thường cũng có thể leo núi của dãy Alps Nhật Bản (tuy nhiên, người không có kinh nghiệm thì nên đi cùng với hướng dẫn viên).

Cũng có nhiều núi ở vùng ngoại ô có thể leo lên dễ dàng hơn rất nhiều. Những ngọn núi như Takao và Tsukuba ở vùng Kan-to, Rokko ở vùng Kansai, v.v. có thể leo trong ngày nên được ưa thích để đi dã ngoại.

Đặc điểm của núi ở Nhật Bản là có nhiều núi lửa. Vì vậy ở trên núi và dưới chân núi đều có suối nước nóng. Sau khi leo núi, có thể ngâm mình trong suối nước nóng dưới chân núi, từ từ giải tỏa mệt mỏi là điều tuyệt vời khi leo núi hay đi dã ngoại ở Nhật Bản.

日本の国土の70%は山地で、日本は山が多い国であると言えます。日本列島には、高い山脈が背骨のように連なっています。富山県から長野県、岐阜県を経て静岡県にまたがる高い山脈は、「日本アルプス」と呼ばれ、北アルプス、中央アルプス、南アルプスに分かれています。

日本には、登山家がアイゼンやピッケルを持って登らないと登れないような山はほとんどなく、夏の登山シーズンであれば、ある程度の装備は必要ですが、一般の人でも日本アルプスの山に登ることも可能です（ただし、経験のない人は、ガイドをつけることをお勧めします）。

もっと気軽に登れる近郊の山もたくさんあります。関東の高尾山や筑波山、関西の六甲山などの山は、日帰りでも登れることから、ハイキングにも人気があります。

日本の山の特徴として、火山が多いことも挙げられます。そのため、山中、山麓には温泉がわいています。登山のあと、山麓の温泉に浸かって山の疲れをゆっくりいやすくできるのは、日本の登山やハイキングのいい点です。

3 ngọn núi cao nhất Nhật Bản 日本の高い山ベスト3

1. Núi Phú Sĩ

ふじさん
富士山

(3776 m)



2. Núi Kitadake

(Alps Nam)

きただけ みなみ
北岳 (南アルプス)

(3193 m)



3. Núi Hotakadake

(Alps Bắc)

ほたかだけ きた
穂高岳 (北アルプス)

(3190 m)



● **おとこ
『男はつらいよ』シリーズ　Loạt phim “Otoko wa Tsurai yo”**



Otoko wa Tsuraiyo là loạt phim trong đó nhân vật nam chính Torajiro Kuruma, thường được gọi là "Tora-san" do diễn viên Kiyoshi Atsumi thủ vai. Phim được Yoji Yamada viết kịch bản và đạo diễn. Tổng cộng có 50 bộ phim kể từ *Otoko wa Tsuraiyo* là tác phẩm đầu tiên phát hành vào năm 1969 đến *Otoko wa Tsurai yo – Okaeri Tora-san* phát hành năm 2019. Phim giữ kỷ lục Guinness là loạt phim có nhiều tác phẩm nhất. Cho đến năm 1995, hầu như mỗi năm một bộ phim được sản xuất và phát hành. Loạt phim kết thúc do cái chết của Atsumi vào năm 1996, nhưng tác phẩm thứ 50 được sản xuất năm 2019 nhân kỷ niệm 50 năm của loạt phim.

Nhân vật chính Tora sinh ra ở Shibamata - khu phố buôn bán của Tokyo, là một người bán hàng rong. Với tính cách lập dị và hơi khác thường, anh ta cãi nhau với gia đình tại quê nhà Shibamata, quen biết nhiều người và gây ra vấn đề trong các chuyến đi. Mô típ của phim là Tora yêu một cô gái nhưng cuối cùng lại bị từ chối. Mặc dù thời đại hơi cũ nhưng trong phim hội tụ nhiều yếu tố về đạo lý, tình người, chiến thuật trong tình yêu, v.v. của người Nhật Bản. Xem phim của Tora có thể cũng là cơ hội để suy nghĩ về Nhật Bản và con người Nhật Bản.

Loạt phim *Otoko wa Tsuraiyo* có sẵn trên các dịch vụ chiếu phim có thể xem miễn phí nếu đăng ký và cả ở những trang web có thể thuê với giá rẻ.

映画『男はつらいよ』シリーズは、俳優渥美清が演じる車寅次郎、通称「寅さん」という男性を主人公とする映画シリーズです。原作、監督は山田洋次。1969年公開の第1作『男はつらいよ』から、2019年公開の『男はつらいよ お帰り寅さん』まで、50の作品があり、作品数が最多の映画シリーズとして、ギネスブックに載っています。1995年までは、ほぼ毎年1本ずつ作られて公開されていました。1996年の渥美の死によってシリーズは終了しましたが、2019年に、シリーズ50周年を記念して、50作目が作されました。

主人公の寅さんは、東京の下町、柴又の生まれで、職業はテキ屋。常識にとらわれない、ちょっと変わった性格の持ち主で、地元の柴又で家族とケンカをしたり、旅先でいろいろな人と知り合って問題を起こしたりします。たいていは、寅さんが女性を好きになるけれど、最後にはふられるというパターンです。時代は少し古いですが、映画には、日本人の「義理」や「人情」、恋愛の駆け引きなど、さまざまな要素があふれています。寅さんの映画を見れば、日本や日本人について考える機会にもなるかもしれません。

『男はつらいよ』シリーズは、登録すれば無料で見られる動画配信サービスもありますし、安くレンタルできるサイトもあります。

● **からて
空手 Karate**

Karate là môn võ của Nhật Bản bắt nguồn từ Okinawa. Khác với Judo hay Aikido, đòn tấn công chính là đấm bằng nắm đấm, đá bằng chân.

Hiện nay, karate được chia ra thành nhiều lưu phái. Karate truyền thống áp dụng quy tắc *sundome* không đánh trực tiếp vào đối phương trong trận đấu, đồng thời coi trọng *kata* (bài quyền) trong đó một người thực hiện theo trình tự các kỹ thuật được quy định sẵn. Các hệ phái tiêu biểu *Shotokan*, *Wado-ryu*, *Shito-ryu* và *Goju-ryu* được gọi là "Bốn hệ phái lớn".

Mặt khác, cũng có lưu phái sử dụng đòn đánh trực tiếp vào đối phương khi thi đấu được gọi là full-contact karate. Việc đeo các dụng cụ bảo vệ hay găng tay, có tấn công vào mặt hay không thì tùy theo lưu phái. Trong các tuyển thủ của full-contact karate, cũng có những người vượt ra ngoài khuôn khổ của karate, tham gia thi đấu võ thuật tổng hợp. *Kyokushin karate* phổ biến trên khắp thế giới là hệ phái của full-contact karate.



Nếu muốn học karate ở Nhật, bạn sẽ tìm ra ngay một võ đường của địa phương khi tìm kiếm trên Internet. Tuy nhiên, như đã giải thích ở trên, có sự khác biệt rất lớn giữa lưu phái truyền thống và lưu phái full-contact nên hãy xác nhận kỹ lưỡng trước khi đi nhé.

空手は、沖縄を発祥とする日本の武道です。柔道や合気道と違って、拳で突いたり、足で蹴ったりという打撃による攻撃が主です。

現在、空手はさまざまな流派に分かれています。伝統的な流派では、試合では相手に直接当たない「寸止め」のルールが採用され、また1人で決まった技を順番に演じる「型」が重視されています。代表的な流派として、松濤館、和道流、糸東流、剛柔流が「四大流派」と呼ばれています。

一方、試合で相手に実際に攻撃を当てる流派もあり、「フルコンタクト空手」と呼ばれます。防具やグローブをつけるかどうか、顔への攻撃があるかどうかなどは、流派によって違います。フルコンタクト空手の選手の中には、空手の枠を越えて、打撃系総合格闘技の試合に出場する人もいます。世界に広まっている「極真空手」は、このフルコンタクト空手の流派です。

日本で空手を習いたい場合は、インターネットで検索すると、地元の道場がすぐに見つかると思います。ただし、上に書いたように伝統系の流派とフルコンタクト系の流派では大きく違いますので、よく確認してから行きましょう。